

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17A/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 07 - 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Tấn;
2. Ông Bùi Văn Quyết

- Thư ký ghi phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh - Thư ký tòa án nhân dân Huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Tú Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân Huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị T, sinh năm 1990. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm Thung, xã Quý Hòa, Huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/6/2022.

1. Bị đơn: anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT: phố Hữu Nghị, TT Vụ Bản, Huyện Lạc Sơn, Hòa Bình; Nơi ở hiện nay: Trại giam Thanh Cẩm, Huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/6/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc H kết hôn năm 2019, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Quý Hòa, Hện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sau đó, tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng sống hòa thuận, yêu thương nhau. Đến giữa năm 2020 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, anh H có hành vi mua bán chất ma túy và đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm, Hện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Cho đến thời điểm này, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Chị T và anh H không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Quốc H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn vào tháng 01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Quý Hòa, Hện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Trước khi kết hôn, anh và chị T được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án, không có điều kiện chăm sóc gia đình. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị ly hôn anh H đồng ý.

Về con chung: Chị T và anh H không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh H không có yêu cầu gì thêm.

**** Tại biên bản xác minh ngày ngày 20/06/2022 của Tòa án nhân dân Hện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Quốc H có nội dung:***

Anh Nguyễn Quốc H và chị Bùi Thị T kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Quý Hòa, Hện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2020, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân Hện Lạc Sơn tuyên bố phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện nay anh H đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm tại Hện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Hai vợ chồng ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Anh H và chị T không có con chung.

Về sự có mặt/vắng mặt của anh Nguyễn Quốc H tại nơi cư trú: anh Nguyễn Quốc H hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm, Hện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa nên không có mặt tại địa phương.

****Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Hện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Nguyễn Quốc H có hộ khẩu thường trú tại phố Hữu Nghị, TT Vụ Bản, Hện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân Hện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh H và chị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227; khoản 1 và

khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh H không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, anh H đi chấp hành án nên không có thời gian chăm sóc gia đình. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được, tại bản tự khai anh H đồng ý ly hôn nên HĐXX công nhận việc thuận tình ly hôn giữa hai anh chị là phù hợp Điều 51; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung, cấp dưỡng*: Quá trình chung sống, anh H và chị T không có con chung nên HĐXX không xem xét

[4] *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Quốc H.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số **0004319 ngày 29/4/2022** của Chi cục thi hành án dân sự Hện Lạc Sơn. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND Hện Lạc Sơn;*
- *CCTHA Hện Lạc Sơn;*
- *UBND xã Quý Hòa;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Bùi Văn Ôn

Bùi Văn Thiệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Bùi Văn Ôn

Bùi Văn Thiệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND Hện Lạc Sơn;
- CCTHA Hện Lạc Sơn;
- UBND xã Bình Hẻm;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Bùi Văn Ôn

Bùi Văn Thiệu

Nguyễn Thị Thanh Hoa

